

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam có phiên đi ngang, giảm điểm nhẹ khi nhà đầu tư duy trì tâm lý thận trọng trước mùa báo cáo KQKD quý 3

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL diễn biến trái chiều và biến động trong biên độ hẹp

[Cập nhật công ty]

SHB, HDB

[Quan điểm đầu tư]

NĐT được khuyến nghị tiếp tục nắm giữ các vị thế trung hạn ở mức trung bình và trải lệnh mua lại từng phần vị thế trading ngắn hạn tại các vùng hỗ trợ.

14/10/2021

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,391.85	-0.00
VN30	1,503.38	-0.14
HĐTL VN30F1M	1,505.90	+0.19
HNXIndex	384.84	+1.45
HNX30	605.93	+2.30
UPCoM	99.28	+0.51
USD/VND	22,762	+0.05
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.15	+0
Lãi suất qua đêm (%)	0.63	+3
Dầu (WTI, \$)	81.21	+0.96
Vàng (LME, \$)	1,796.52	+0.20



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,391.85 (-0.00%)
KLGD (triệu CP) 725.5 (+24.8%)
GTGD (triệu US\$) 971.5 (+17.6%)

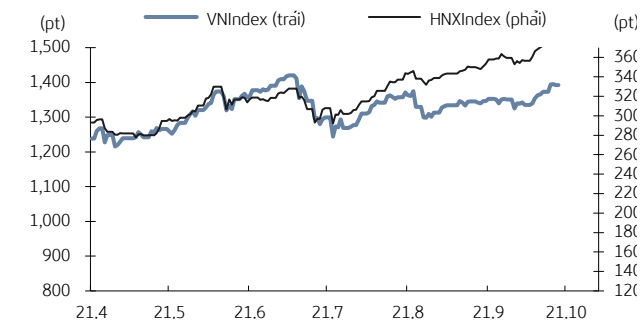
HNXIndex 384.84 (+1.45%)
KLGD (triệu CP) 123.4 (+5.3%)
GTGD (triệu US\$) 105.0 (+26.8%)

UPCoM 99.28 (+0.51%)
KLGD (triệu CP) 86.4 (+9.1%)
GTGD (triệu US\$) 71.7 (+7.1%)

NĐTNN mua ròng (triệu US\$) -31.9

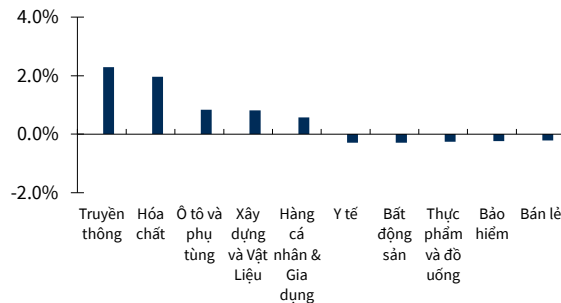
TTCK Việt Nam có phiên đi ngang, giảm điểm nhẹ khi nhà đầu tư duy trì tâm lý thận trọng trước mùa báo cáo KQKD quý 3. Hiệp hội Dệt may Việt Nam dự báo 3 tháng cuối năm "cực kỳ khó khăn" khi mục tiêu xuất khẩu 39 tỷ USD khó hoàn thành vì thiếu lao động, chuỗi cung ứng vẫn đứt gãy, khiến cổ phiếu dệt may giảm ở STK (-0.4%). NHNN cho biết nợ xấu tăng là điều tất yếu và đã chỉ đạo các ngân hàng tích cực phòng ngừa rủi ro, đẩy mạnh trích lập dự phòng, cổ phiếu ngân hàng giảm ở ACB (-0.9%), VCB (-0.3%). Hiệp hội Lương thực Việt Nam kỳ vọng năm nay nước ta có thể xuất khẩu được 6-6.2 triệu tấn gạo các loại, với kim ngạch đạt khoảng 3,325 tỷ USD, giúp cổ phiếu ngành gạo tăng ở TAR (+2.1%), LTG (+1.7%). Khối ngoại bán ròng ở HPG (0%), VND (0%), PAN (+5%).

VNIndex & HNXIndex



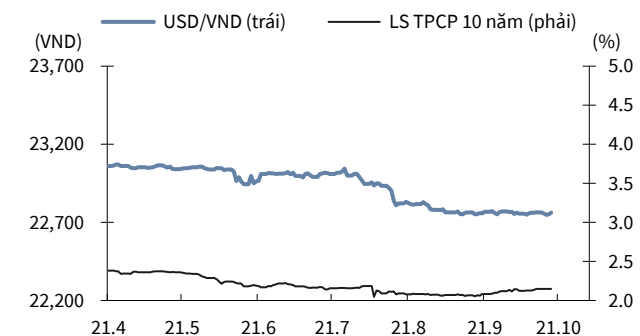
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

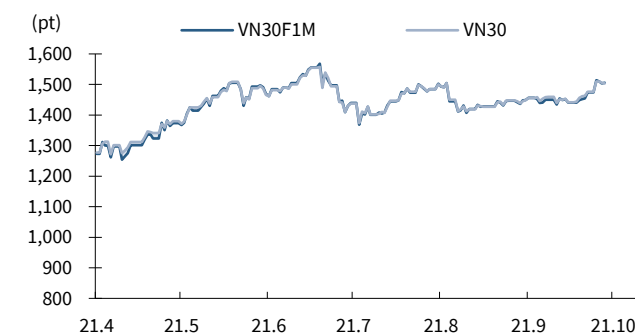
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30 1,503.38 (-0.14%)
VN30F1M 1,505.9 (+0.19%)
Mở cửa 1,508.5
Cao nhất 1,514.9
Thấp nhất 1,500.0

Các HĐTL diễn biến trái chiều và biến động trong biên độ hẹp. Chênh lệch giữa F2110 và chỉ số VN30 biến động với biên độ trong khoảng -1.45 và 6.7 điểm, sau đó đóng cửa ở mức 2.5 điểm. Khối mua ròng trong phiên hôm nay, thanh khoản thị trường tăng nhẹ.

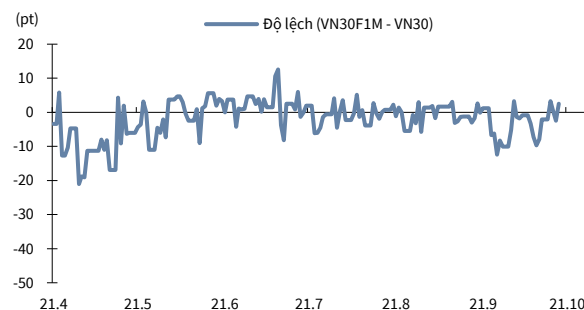
KLGD (HĐ) 178,910 (+0.7%)

HĐTL VN30F1M & VN30



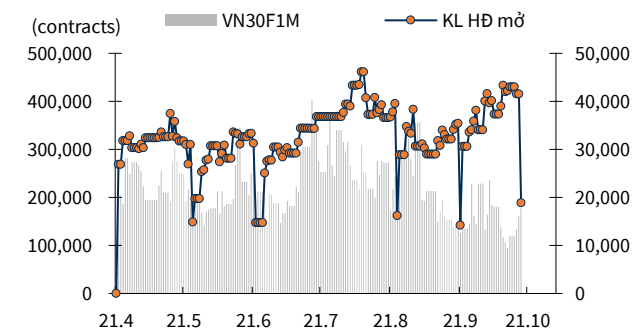
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



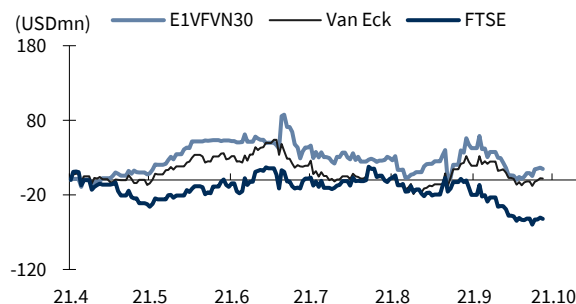
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

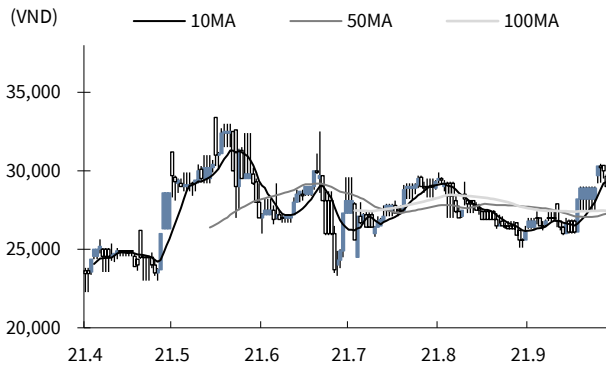
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

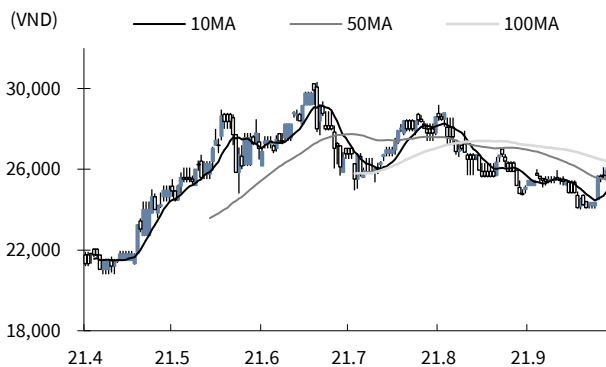
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- SHB giảm 3.3% xuống 29,000 VND/cp
- SHB công bố kết quả 9 tháng đầu năm, lợi nhuận hợp nhất trước thuế đạt 5,055 tỷ đồng (+ 94% YoY). Ngân hàng có kế hoạch tăng vốn lên 26,674 tỷ đồng.
- SHB đạt thỏa thuận bán 100% vốn của Công ty Tài Chính SHB Finance cho Ngân hàng Đại chúng Ayudhya (Krungsri) - Thái Lan.

Ngân hàng TMCP Phát triển TPHCM (HDB)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- HDB tăng 1.0% lên 25,950 VND/cp
- HDBank công bố kết quả kinh doanh 9 tháng đầu năm 2021, hoàn thành 82% kế hoạch lợi nhuận trước thuế, tương đương 5,970 tỷ đồng (+ 36% YoY). Tỷ lệ nợ xấu riêng lẻ thấp dưới 1%, tỷ lệ nợ xấu hợp nhất ở mức 1.4%, đều thấp hơn cùng kỳ năm trước.

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



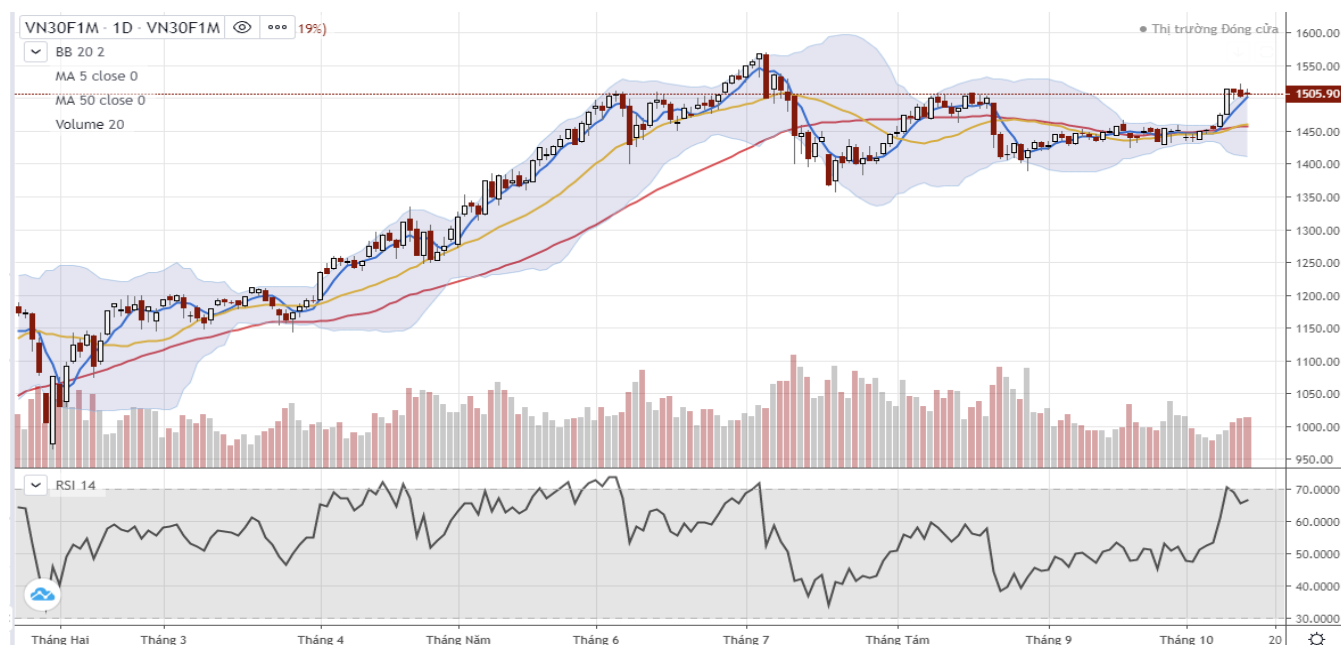
Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex trải qua nhịp hồi phục trong trạng thái khá giằng co vào giữa phiên trước khi chịu áp lực bán và suy yếu về cuối phiên.
- Vùng cản quanh ngưỡng kháng cự tâm lý 1400 đang tiếp tục gây sức ép lên chỉ số trong ngắn hạn và rủi ro mở rộng thêm nhịp điều chỉnh vẫn còn để ngỏ. Mặc dù vậy, cơ hội hồi phục sau đó và duy trì xu hướng tăng điểm của VNIndex vẫn được đánh giá cao với vùng hỗ trợ gần đáng lưu ý nằm tại quanh 1380 (+5).
- NĐT được khuyến nghị tiếp tục nắm giữ các vị thế trung hạn ở mức trung bình và trải lệnh mua lại từng phần vị thế trading ngắn hạn tại các vùng hỗ trợ.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1516 - 1518

Kháng cự gần: 1509 - 1511

Hỗ trợ gần: 1495 - 1497

Hỗ trợ xa: 1489 - 1491

- F1 trải qua nhịp hồi phục trong trạng thái khá giằng co vào giữa phiên trước khi chịu áp lực bán và suy yếu về cuối phiên.
- Vùng cản 152x đang tiếp tục gây sức ép lên chỉ số trong ngắn hạn và rủi ro mở rộng thêm nhịp điều chỉnh vẫn còn để ngỏ. Mặc dù vậy, cơ hội hồi phục sau đó và duy trì xu hướng tăng điểm vẫn được đánh giá cao với vùng hỗ trợ gần đặt tại quanh 1490.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Tiếp tục chiến lược ưu tiên mở vị thế LONG tại hỗ trợ.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Kê mua lại từng phần vị thế LONG tại các vùng hỗ trợ.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

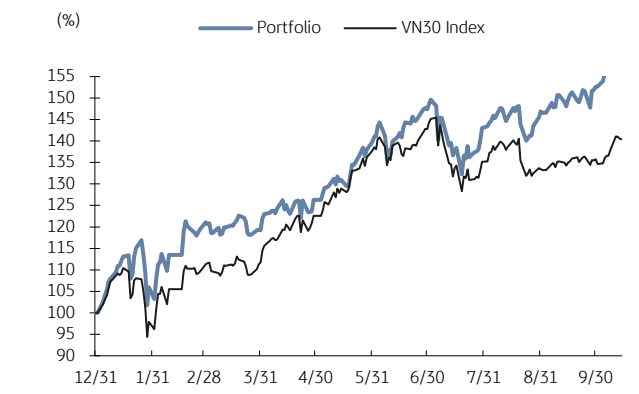
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-0.14%	0.28%
Tăng lũy kế (YTD)	40.40%	62.75%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 14/10/2021	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	109,200	na	na	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	27,500	na	na	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuan Jewelry (PNJ)	22/03/2019	81,000	na	na	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	21,550	na	na	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - MCredit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế huy động vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	35,700	na	na	- Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	54,500	na	na	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Gemadept Corp (GMD)	22/08/2018	23,350	na	na	- Hoạt động kinh doanh chính kỳ vọng tăng trưởng trở lại - Dự án Nam Đình Vũ giai đoạn 1 thúc đẩy tăng trưởng doanh thu - Mảng logistic sẽ tăng trưởng với sự hỗ trợ từ đối tác CJ Logistic

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
DPM	4.5%	9.4%	158.8
MBB	-0.4%	23.2%	61.3
STB	0.6%	15.8%	31.2
VRE	1.0%	30.0%	26.4
DHC	0.5%	36.8%	23.3

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
HPG	0.0%	25.4%	-168.3
VND	0.0%	20.0%	-155.3
PAN	5.0%	32.5%	-116.7
SSI	0.0%	44.5%	-113.4
KBC	-0.9%	17.2%	-83.7

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
PVI	0.0%	55.6%	15.0
BII	9.5%	0.2%	4.7
CEO	3.7%	16.7%	1.8
KLF	0.0%	0.9%	1.4
BVS	1.2%	8.5%	0.8

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
SHS	0.8%	9.2%	-51.3
TNG	2.3%	6.9%	-12.5
IDJ	8.1%	1.6%	-1.3
VCS	0.3%	3.7%	-1.1
NVB	3.3%	8.5%	-1.1

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Công nghệ thông tin	4.9%	FPT, SAM
Truyền thông	4.5%	ADG, YEG
Hóa chất	3.3%	GVR, DCM
Bán lẻ	3.1%	MWG, PET
Du lịch và Giải trí	3.0%	VJC, HVN

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bảo hiểm	-2.9%	BVH, BMI
Y tế	-0.2%	DHG, IMP
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	0.0%	POW, VSH
Ô tô và phụ tùng	0.0%	TCH, HHS
Dầu khí	0.4%	PLX, PVD

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	20.0%	GAS, POW
Tài nguyên Cơ bản	12.8%	HPG, HSG
Bảo hiểm	11.6%	BVH, BMI
Dầu khí	10.6%	PLX, PVD
Hàng cá nhân & Gia dụng	7.5%	PNJ, STK

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Y tế	-1.5%	DHG, VMD
Du lịch và Giải trí	-0.6%	HVN, SCS
Dịch vụ tài chính	-0.5%	SSI, VND
Bất động sản	1.8%	VHM, BCM
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	2.1%	GEX, TMS

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNĐ tỷ, USD mn)	GTGD (VNĐ triệu, USD mn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	278,436 (12.2)	22.5	61.5	59.1	14.7	4.1	5.7	3.8	3.6	-0.6	4.2	0.5	-3.8
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	493,854 (21.7)	26.6	9.9	9.3	35.9	32.1	27.1	2.8	2.2	-1.4	-1.4	-4.1	14.6
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	164,293 (7.2)	17.8	27.7	19.3	-7.6	6.8	10.4	2.4	2.3	1.0	4.8	8.5	-2.2
	NVL	NO VA LAND INVES	60,068	86,712 (3,768)	216,920 (9.5)	31.3	35.3	18.8	6.7	19.4	17.4	4.3	3.4	-0.3	-1.7	-0.7	112.7
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	31,182	19,167 (833)	112,279 (4.9)	11.6	26.1	19.3	18.0	12.3	14.4	3.0	2.5	0.6	3.4	6.2	64.4
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	95,600 (4.2)	13.9	12.3	9.1	-	16.3	18.5	1.8	1.5	0.5	3.3	16.4	55.7
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	102,000	378,305 (16,441)	87,663 (3.9)	6.3	18.2	14.3	11.7	19.7	20.1	3.1	2.5	-0.3	-0.1	-1.6	-1.2
	BID	BANK FOR INVESTM	43,400	174,556 (7,586)	52,820 (2.3)	12.7	17.1	12.1	-5.3	13.2	16.8	1.8	1.7	-0.9	1.0	2.2	-17.4
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	457,529 (20.1)	0.0	11.0	9.1	14.3	20.4	20.2	2.0	1.7	0.2	5.0	8.2	66.7
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	273,918 (12.0)	1.4	10.7	8.0	61.1	18.3	20.5	1.3	1.1	-0.3	4.3	-1.9	14.3
	VPB	VIETNAM PROSPERI	22,944	101,381 (4,406)	455,067 (20.0)	0.0	12.9	11.0	18.8	18.5	16.6	2.1	1.8	0.3	3.6	4.1	104.6
	MBB	MILITARY COMMERC	19,407	73,327 (3,187)	331,573 (14.6)	0.0	8.8	7.3	14.6	22.1	22.3	1.6	1.4	-0.3	3.1	3.3	68.8
	HDB	HDBANK	20,400	40,641 (1,766)	49,807 (2.2)	4.2	9.5	8.2	23.3	22.2	21.5	1.7	-	1.0	7.7	4.6	36.6
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	332,840 (14.6)	14.0	18.1	13.3	26.5	10.3	12.6	1.5	1.3	0.6	3.5	-0.9	56.2
	TPB	TIEN PHONG COMME	27,850	28,732 (1,249)	302,245 (13.3)	0.0	9.8	8.3	37.5	22.6	20.3	1.9	1.5	-0.2	0.7	12.5	57.8
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	9,597 (0.4)	0.2	-	-	27.3	-	-	-	-	2.2	7.0	-7.8	22.6
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	99,024 (4.4)	21.0	26.9	24.3	15.8	8.2	8.6	2.1	2.0	-0.2	-3.2	10.9	-9.2
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	37,603 (1.7)	14.2	16.7	17.2	9.1	12.0	12.0	1.8	1.7	0.0	-2.8	18.9	57.6
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	21,998	19,947 (867)	329,341 (14.5)	55.4	15.7	14.1	-3.2	17.3	17.7	-	-	0.0	0.7	-3.5	87.5
	VCI	VIET CAPITAL SEC	27,500	9,108 (396)	243,596 (10.7)	71.9	-	-	-4.0	-	-	-	-	1.1	2.3	-1.1	112.7
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	221,044 (9.7)	52.4	-	-	-25.5	-	-	-	-	0.7	2.1	-2.8	59.3
	VND	VNDIRECT SECURIT	17,211	5,734 (249)	299,889 (13.2)	27.2	11.2	19.0	36.3	-	-	3.7	3.4	0.0	0.6	-3.4	173.2
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	315,175 (13.8)	42.1	18.9	17.5	4.0	32.7	33.9	5.8	5.5	-0.1	1.4	3.4	-17.3
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	24,443 (1.1)	36.9	24.0	19.9	7.3	21.2	23.0	4.6	4.1	-0.6	0.9	-3.6	-17.9
	MSN	MASAN GROUP CORP	95,100	111,712 (4,855)	170,154 (7.5)	16.5	49.6	28.9	-51.9	17.5	22.8	8.6	6.7	-0.7	0.3	4.9	59.8
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	54,813 (2.4)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	2.0	5.2	10.1	-46.8
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	108,273 (4.8)	11.0	-	37.7	-88.5	0.4	16.2	-	-	0.4	4.3	6.8	7.5
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	148,458 (6.5)	10.8	29.2	20.0	-57.0	9.6	13.0	2.5	2.3	1.4	3.0	-0.4	57.1
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	59,057 (2.6)	38.4	36.7	11.6	65.7	3.1	8.4	1.1	1.1	4.5	4.8	12.6	-7.9
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	71,757 (3.2)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	0.7	2.8	6.9	120.6
	GEX	GELEX GROUP JSC	17,224	10,411 (452)	121,707 (5.3)	37.7	-	-	-13.2	12.1	12.7	-	-	0.2	-0.8	1.5	34.6
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	17,491 (0.8)	3.6	35.4	17.2	-52.4	1.8	3.7	0.6	0.6	-0.6	-1.3	2.4	-10.4
	REE	REE	59,600	18,419 (800)	65,340 (2.9)	0.0	13.8	11.5	-4.5	13.2	14.1	1.7	1.6	0.0	2.4	12.5	49.1

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bản	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	200,153 (8.8)	46.1	23.4	19.2	-17.5	18.4	20.9	4.2	3.9	0.3	0.3	25.1	28.5
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	27,108 (1.2)	31.4	16.5	12.3	-10.5	11.1	13.6	1.6	1.6	0.0	-0.9	5.0	-10.0
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	12,846 (0.6)	34.1	18.2	10.8	-5.1	7.9	13.9	1.5	1.5	0.0	0.4	-0.4	-4.3
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	32,481	145,287 (6,314)	1,340,741 (58.9)	18.0	8.2	7.9	21.9	40.0	30.4	2.7	2.0	0.0	2.2	12.9	85.0
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	249,777 (11.0)	36.5	15.2	22.5	-0.5	13.8	8.9	1.9	1.8	4.5	9.4	17.6	123.4
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	141,582 (6.2)	46.5	21.4	20.2	-4.5	13.3	13.6	2.6	2.4	3.4	10.1	27.1	129.3
	HSG	HOA SEN GROUP	22,636	11,063 (481)	536,724 (23.6)	38.9	5.7	7.8	67.9	47.7	26.8	2.2	1.7	0.7	1.8	10.7	140.6
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	87,935 (3.9)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	1.8	0.0	4.7	26.4
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	81,933 (3.6)	4.6	18.4	16.1	-51.0	16.0	16.1	-	-	0.2	-0.2	7.6	-1.3
	PVD	PETROVIETNAM DRI	23,400	9,854 (428)	223,532 (9.8)	39.9	290.5	39.9	-11.9	0.2	2.2	0.7	0.7	0.8	4.4	35.5	53.1
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	150,519 (6.6)	35.9	11.9	10.8	1.2	14.7	13.8	1.6	1.4	3.3	2.8	6.3	81.1
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	93,000	65,024 (2,826)	194,403 (8.5)	0.0	19.7	15.4	13.7	24.5	27.2	4.4	3.8	-0.3	4.3	7.2	68.4
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	87,500	19,895 (865)	54,911 (2.4)	0.0	21.4	17.0	2.4	20.2	23.4	3.9	3.4	0.0	4.1	13.5	24.7
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	2,671 (0.1)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	0.3	0.7	0.3	-66.8
	FRT	FPT DIGITAL RETA	28,200	2,227 (097)	85,944 (3.8)	30.3	38.8	24.1	-75.2	8.0	12.1	3.0	2.8	0.2	-3.1	3.1	46.9
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	25,971 (1.1)	34.6	17.2	9.6	41.2	13.8	26.3	2.2	2.2	3.0	0.7	-0.4	-13.8
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	2,365 (0.1)	45.4	17.5	16.5	10.7	20.3	20.3	3.4	3.0	-0.5	-0.9	-3.6	-4.8
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	042 (0.0)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	0.0	0.0	3.1	7.8
IT	FPT	FPT CORP	68,000	61,301 (2,664)	204,474 (9.0)	0.0	21.9	18.7	15.5	24.3	25.3	4.6	4.2	-0.6	4.8	5.3	92.3

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHOÍ PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình
Giám đốc Khối Phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp

Dương Đức Hiếu
Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp
hieudd@kbsec.com.vn

Nguyễn Anh Tùng
Chuyên viên cao cấp – Tài chính & Công nghệ
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Hoàng Bảo Nga
Chuyên viên cao cấp – Bất động sản nhà ở
ngaphb@kbsec.com.vn

Lê Anh Tùng
Chuyên viên cao cấp – Dầu Khí & Ngân hàng
tungla@kbsec.com.vn

Nguyễn Ngọc Hiếu
Chuyên viên phân tích – Năng lượng & Vật liệu xây dựng
hieunn@kbsec.com.vn

Phạm Nhật Anh
Chuyên viên phân tích – Bất động sản công nghiệp & Logistics
anhpn@kbsec.com.vn

Lương Ngọc Tuấn Dũng
Chuyên viên phân tích – Bán lẻ & Hàng tiêu dùng
dunglnt@kbsec.com.vn

Khối Phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh
Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược Đầu tư
anhtd@kbsec.com.vn

Lê Hạnh Quyền
Chuyên viên phân tích – Vĩ mô & Ngân hàng
quyenlh@kbsec.com.vn

Thái Hữu Công
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap
congth@kbsec.com.vn

Trần Thị Phương Anh
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap
anhhttp@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ
Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương
Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.